

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HS – ST  
Ngày: 19-11-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Đăng

Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2021/TLST – HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 330/2021/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 10 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 338/TB-TA ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Dương H- sinh năm 1990 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Tổ 6, thôn T, xã C, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T (đã chết) và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1949; vợ là Đặng Thị Thu T, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/4/2021 (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:* Ông Hồ Phương T1, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường H, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Số 117 đường Q, phường QT, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái H – Tổng giám đốc.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Hoàng Anh T2 – Giám đốc Ngân hàng TMCP B, Chi nhánh V; địa chỉ: Số 292 đường L, phường 4, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Văn phòng công chứng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường S – Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố T, phường HD, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Ông Trần Văn H1, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 268 đường L, thị trấn N, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Ngô Văn T3, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 27 đường B, phường PH, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/11/2018, Phạm Dương H và Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh V (gọi tắt là ngân hàng B) ký kết Hợp đồng tín dụng số 72001684.29.10.2018/HĐTD-BAC A BANK và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 72001684.29.10.2018/HĐTC-BAC A BANK. Theo đó, ngân hàng B cho H vay số tiền 735.000.000 đồng, thời hạn vay là 96 tháng, mục đích vay để H mua xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO số máy D4HBJH004614, số khung RNYXH52A6JC138058, tài sản thế chấp là chiếc xe hình thành từ vốn vay.

Sau khi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô seri 038588 ngày 09/11/2018 biển số 72A-288.12 đứng tên Phạm Dương H, ngân hàng B tiến hành làm thủ tục đăng ký thế chấp đối với chiếc xe theo quy định và lưu giữ bản chính Giấy đăng ký xe, đồng thời giao chiếc xe và bản sao giấy tờ có xác nhận của ngân hàng cho H quản lý, sử dụng.

Do làm ăn thua lỗ, để có tiền tiêu xài và trả nợ, H đã dùng thủ đoạn gian dối làm giả giấy tờ xe rồi đem xe và giấy tờ giả cầm cố vay tiền, sau đó ký hợp đồng công chứng ủy quyền chiếc xe nhưng thực chất là bán xe với mục đích chiếm đoạt tiền của người mua xe. Cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2020, thông qua mạng xã hội Facebook, H cung cấp thông tin ảnh chụp giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 biển số 72A-288.12 rồi thuê một người đàn ông (không rõ lai lịch) làm giả 01 giấy Chứng nhận đăng ký có thông tin như giấy thật với giá 1.500.000 đồng.

Ngày 17/10/2020, H đem xe ô tô 72A- 288.12 và giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 giả cầm cố cho ông Hồ Phương T1 là chủ tiệm cầm đồ “PT” tại khu phố 2, phường H, thị xã PM để vay số tiền 180.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên ông T1 đồng ý, làm Hợp đồng cầm đồ (kiêm phiếu chi tiền) ngày 17/10/2020 rồi chuyển khoản 150.000.000 đồng vào tài khoản số 0081001206454 của H mở tại ngân hàng ngoại thương (Vietcombank) và giao cho H 30.000.000 đồng tiền mặt. H đã ký xác nhận vào tờ giấy Hợp đồng cầm cố này.

Sau đó, cũng với thủ đoạn cầm cố vay tiền, H tiếp tục vay thêm ông T1 số tiền 170.000.000 đồng (trong đó 120.000.000 đồng chuyển khoản ngày 19/10/2020, giao tiền mặt 30.000.000 đồng vào ngày 20/10/2020 và 20.000.000 đồng ngày 23/10/2020). Việc vay thêm có được ghi chép tại giấy Hợp đồng cầm đồ lập ngày 17/10/2020, xác định tổng số tiền cầm cố là 350.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2021, H gian dối nói bán chiếc xe 72A- 288.12 cho ông T1 với giá 420.000.000 đồng để cân trừ số nợ 350.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên ông T1 đồng ý mua xe. Do ngày 09/01/2021, H vay ông Tú 50.000.000 đồng nên ông T1 yêu cầu cộng khoản vay này vào số tiền 350.000.000 đồng H vay trước đó, ông T1 chuyển khoản thêm cho H số tiền 20.000.000 đồng để tắt toán hợp đồng rồi cùng H đến Văn phòng công chứng C tại phường H, thị xã PM công chứng Hợp đồng ủy quyền chiếc xe ô tô 72A-288.12, số chứng thực 374 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2021. Hình thức là hợp đồng ủy quyền nhưng thực chất H bán chiếc xe ô tô 72A- 288.12 cho ông T1 (BL 165 – 168).

Ngày 20/01/2021, ông T1 đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô 72A- 288.12 cho ông Ngô Văn T3 là chủ tiệm kinh doanh xe ô tô “ST” ở địa chỉ 268 đường L, thị trấn N, huyện CĐ với giá 737.000.000 đồng. Ông T3 đã thanh toán số tiền 737.000.000 đồng cho ông T1 rồi giao cho nhân viên của mình là ông Trần Văn H1 cùng ông T1 đến Văn phòng công chứng C công chứng Hợp đồng ủy quyền lại chiếc xe ô tô 72A-288.12, số chứng thực 406 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2021. Hình thức là hợp đồng ủy quyền lại chiếc xe cho ông H1 nhưng thực chất ông T1 bán chiếc xe này cho ông T3 (BL 133 – 168).

Khi ông H1 đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để rút hồ sơ gốc chiếc xe về cho ông T3 thì mới biết giấy tờ xe bị làm giả nên giao nộp chiếc xe và giấy tờ giả cho Cơ quan điều tra.

*Tại Kết luận số 38/KLGD-PC09-TL ngày 19/3/2021* của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 tên chủ xe Phạm Dương H có chữ ký Lê Văn N (ký hiệu A) là giả” (BL 15).

*Vật chứng của vụ án:*

- Đối với chiếc xe ô tô KIA SORENTO biển số 72A- 288.12, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý bàn giao cho đại diện ngân hàng B quản lý theo Quyết định xử lý vật chứng số 80/QĐ ngày 29/7/2021 (BL 35-38).

- Đối với Giấy đăng ký xe ô tô seri 038588 ngày 09/11/2018 biển số 72A-288.12 đứng tên Phạm Dương H (giấy giả) đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự:*

- Ông Hồ Phương T1 yêu cầu Phạm Dương H bồi thường số tiền 545.000.000 đồng. H chưa bồi thường cho ông T1.

- Ông Hồ Phương T1 trả cho ông Ngô Văn T3 200.000.000 đồng. Ông T3 tiếp tục yêu cầu ông T1 trả số tiền 537.000.000 đồng.

- Ngân hàng B yêu cầu Phạm Dương H thanh toán số nợ còn lại trong theo Hợp đồng tín dụng số 72001684.29.10.2018/HĐTD-BAC A BANK đã ký kết ngày 12/11/2018. Phạm Dương H chưa hoàn trả.

Tại Cáo trạng số 151/CT-VKS ngày 15/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Phạm Dương H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ giữ quyền công tố tại phiên

tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 năm tù đến 10 năm tù; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành từ 12 năm tù đến 14 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị tiêu hủy giấy đăng ký xe ô tô seri 038588 ngày 09/11/2018 biển số 72A- 288.12 đứng tên Phạm Dương H (giấy giả).

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; cụ thể Phạm Dương H đồng ý trả cho ông T1 420.000.000 đồng, ông T1 đồng ý trả cho ông T3 537.000.000 đồng.

Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng, đồng ý trả cho ông Hồ Phương T1 số tiền 420.000.000 đồng.

Bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

Buộc công chứng viên Nguyễn Trường S thuộc Văn phòng công chứng C và ngân hàng B liên đới cùng bị cáo H bồi thường số tiền 420.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự về tội có ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng và có hay không hành vi cấu kết giữa bị cáo H với công chứng viên Nguyễn Trường S và cán bộ ngân hàng B phụ trách hồ sơ thế chấp chiếc xe ô tô biển số 72A – 288.12.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Phương T1 hoàn trả số tiền 537.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh*:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy đủ căn cứ kết luận:

Phạm Dương H là chủ sử dụng chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A-288.12. Ngày 12/11/2018, H sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên làm tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP B vay số tiền 735.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 10/2020, thông qua mạng xã hội Facebook, Phạm Dương H thuê một người đàn ông (chưa

rõ lai lịch) làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 ngày 09/11/2018 đối với chiếc xe ô tô nêu trên với giá 1.500.000 đồng.

Ngày 19/10/2020, H gian dối đem xe ô tô 72A- 288.12 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cầm cố cho ông Hồ Phương T1 là chủ tiệm cầm đồ “PT” ở phường H, thị xã PM để vay số tiền 350.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2021, H dùng thủ đoạn gian dối bán chiếc xe ô tô trên cho ông T1 dưới hình thức Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và chiếm đoạt thêm của ông T1 70.000.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông T1 là 420.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Hồ Phương T1 khai nhận: ngoài số tiền 420.000.000 đồng như bị cáo H thừa nhận, trong khoảng đầu tháng 01/2021 ông T1 có cho bị cáo H vay tiền thêm 03 lần, một lần giao 20.000.000 đồng, một lần giao 15.000.000 đồng và một lần giao 90.000.000 đồng, phương thức giao bằng tiền mặt cho H, không ghi chép vào sổ sách, không có người chứng kiến. Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông T1 là 545.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tiến hành đối chất để làm rõ số tiền H nhận của ông T1. H chỉ thừa nhận chiếm đoạt 420.000.000 đồng, ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh giao thêm cho H 125.000.000 đồng, lời khai của H phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được là hợp đồng cầm đồ kèm phiếu chi tiền lập ngày 17/10/2020 (bút lục 91); bản sao kê tài khoản ngân hàng (bút lục 92 đến 107). Vì vậy, không có cơ sở khẳng định H chiếm đoạt của ông T1 số tiền 545.000.000 đồng.

Hành vi cung cấp thông tin về đặc điểm xe (số khung, số máy, màu sơn...), tên chủ sở hữu, số seri giấy chứng nhận đăng ký xe thuê người đàn ông chưa rõ nhân thân, lai lịch làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 và sử dụng giấy tờ giả này để chiếm đoạt số tiền 420.000.000 đồng của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bị cáo H hiện vẫn chưa xác minh được nhân thân lai lịch. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã PM tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

*Đối với giao dịch giữa ngân hàng B và Phạm Dương H:* Việc Ngân hàng B và Phạm Dương H ký kết Hợp đồng tín dụng số 72001684.29.10.2018/HĐTD-BAC A BANK và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 72001684.29.10.2018/HĐTC-BAC A BANK ngày 12/11/2018 là có thật, đây là các giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng đang có hiệu lực pháp luật nên không đủ cơ sở xác định H chiếm đoạt vốn vay của ngân hàng hay tài sản thế chấp. Ngày 29/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trả chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A- 288.12 cho Ngân hàng B để xử lý nợ là phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận giữa H và Ngân hàng B tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 72001684.29.10.2018/HĐTC-BAC A BANK ngày 12/11/2018.

*Đối với giao dịch mua bán tài sản là chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A-288.12 giữa các ông Ngô Văn T3h, Trần Văn H1 với ông Hồ Phương T1:*

Ngày 20/01/2021, ông T1 bán chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A-288.12 cho ông Ngô Văn T3 với giá 737.000.000 đồng. Ông T3 cử nhân viên là ông Trần Văn H1 cùng ông T1 đến Văn phòng công chứng C công chứng Hợp đồng ủy quyền lại chiếc xe ô tô 72A-288.12, số chứng thực 406 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2021. Giao dịch mua bán tài sản giữa ông T1 và ông T3 là có thật tuy nhiên do giấy tờ xe ô tô là giả mạo, chiếc xe ô tô biển số 72A-288.12 là tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của H tại ngân hàng B nên giao dịch mua bán tài sản giữa ông T1 và ông T3 là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối theo quy định tại Điều 122, 127 Bộ luật Dân sự.

*Đối với việc công chứng chứng thực các hợp đồng ủy quyền của Văn phòng Công chứng C:* Công chứng viên Nguyễn Trường S là người công chứng Hợp đồng ủy quyền số chứng thực 374 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2021 giữa Phạm Dương H với ông Hồ Phương T1 và Hợp đồng ủy quyền lại số chứng thực 406 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2021 giữa ông Hồ Phương T1 với ông Trần Văn H1. Quá trình điều tra ông S khai khi thực hiện công chứng hợp đồng, ông không phát hiện được giấy tờ giả, ông S đã tra cứu trên hệ thống công chứng (phần mềm UCHI) do Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp nhưng cũng không phát hiện được chiếc xe đang thế chấp tại Ngân hàng B; không có tài liệu, chứng cứ xác định ông S có thông đồng với các bên công chứng hay biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số seri 038588 biển số 72A- 288.12 là giả khi công chứng nên không đủ cơ sở xử lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan, tổ chức có liên quan; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi làm giả và sử dụng tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm minh, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới có đủ thời gian giáo dục bị cáo sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản vay của Phạm Dương H theo Hợp đồng tín dụng số 72001684.29.10.2018/HĐTD-BAC A BANK ngày 12/11/2018. Trường hợp sau khi tiến hành thủ tục bán đấu

giá tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện Phạm Dương H bằng vụ án dân sự khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết Hợp đồng tín dụng số 72001684.29.10.2018/HĐTD-BAC A BANK ngày 12/11/2018 giữa bị cáo H và ngân hàng B.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phạm Dương H đồng ý trả lại cho ông Hồ Phương T1 số tiền 420.000.000 đồng.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng B cung cấp thì thấy thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm của Ngân hàng B đối với chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A- 288.12 là đúng theo quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. Không có chứng cứ chứng minh Ngân hàng B và Công chứng viên Nguyễn Trường S có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc câu kết với bị cáo H như yêu cầu của bị hại nên không có cơ sở buộc Ngân hàng B và Công chứng viên Nguyễn Trường S phải liên đới với bị cáo H bồi thường cho bị hại.

Ông Ngô Văn T3 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Phương T1 trả lại số tiền 537.000.000 đồng. Qua tranh tụng tại phiên tòa, ông T1 thừa nhận việc mua bán chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 72A-288.12 cho ông Ngô Văn T3 với giá 737.000.000 đồng, ông T1 đã giao xe cho ông T3 và nhận đủ số tiền 737.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, ông T1 đã trả cho ông T3 200.000.000 đồng và còn nợ lại 537.000.000 đồng. Do bị cáo H chưa trả tiền nên ông chưa trả tiền cho ông T3. Tại phiên tòa ông T1 đồng ý trả lại cho ông T3 537.000.000 đồng.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ giấy đăng ký xe ô tô seri 038588 ngày 09/11/2018 biển số 72A- 288.12 đứng tên Phạm Dương H (giấy giả) vì đây là chứng cứ của vụ án.

[8] *Về án phí*:

Bị cáo Phạm Dương H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Hồ Phương T1 nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Dương H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo H 10 (mười) năm tù.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Dương H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo H 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Phạm Dương H phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

3. Về trách nhiệm sự: Áp dụng các điều 117, 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự; Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 374, quyền số 01/2021 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 19/01/2021 giữa Phạm Dương H và ông Hồ Phương T1 tại Văn phòng Công chứng C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hợp đồng ủy quyền lại sổ công chứng 406, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2021 tại Văn phòng Công chứng C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữa Phạm Dương H do ông Hồ Phương T1 làm đại diện và ông Trần Văn H1 vô hiệu.

Buộc bị cáo Phạm Dương H trả cho ông Hồ Phương T1 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc ông Hồ Phương T1 trả cho ông Ngô Văn T3 537.000.000đ (năm trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

#### 4. Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Dương H nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Hồ Phương T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06, Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.Phú Mỹ;
- Cơ quan CSĐT Công an TX.Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX.Phú Mỹ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Thị Nhung**